

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh
và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025
của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh
doanh tại doanh nghiệp năm 2014;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

*Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông tại Tờ trình số
15/TTr-Cty ngày 06 tháng 4 năm 2021; Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại
Văn bản số 979/SKHĐT-KT ngày 14 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông với những nội dung chính sau đây:

1. Mục tiêu tổng quát

- Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích do Ủy ban nhân dân tỉnh và Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh đặt hàng hằng năm. Đồng thời, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa thông trên diện tích rừng sản xuất là rừng trồng, trồng rau sạch theo mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, trồng cây ăn quả và phát triển khu du lịch sinh thái khu vực rừng cạnh lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum trong địa giới của Công ty có hiệu quả.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất, đồng thời chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật; sử dụng lao động địa phương, đảm bảo không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

- Các chỉ tiêu chủ yếu:

+ Tổng doanh thu đạt bình quân: 32.369,89 triệu đồng/năm.

+ Tổng lợi nhuận sau thuế đạt bình quân: 344 triệu đồng/năm.

+ Mức nộp ngân sách bình quân: 117,099 triệu đồng/năm.

- Về sản phẩm chính và dịch vụ bảo vệ rừng:

+ Diện tích bảo vệ rừng hàng năm: 55.215,57 ha.

+ Phát triển rừng giai đoạn 2021-2025: 300 ha (Từ năm 2021-2024 trồng mới với diện tích 50 ha/năm, năm 2025 trồng mới 100 ha) với nguồn kinh phí là: 20.100 triệu đồng.

3. Kế hoạch cụ thể

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu, thu nhập khác: 161.849,5 triệu đồng.

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 2.152,45 triệu đồng.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch kinh doanh - tài chính hằng năm, Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông chịu trách nhiệm rà soát, đăng ký mức kế hoạch lợi nhuận cụ thể của từng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong từng thời điểm và cả giai đoạn.

- Tổng nộp ngân sách Nhà nước: 585,495 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo)

b) Kế hoạch đầu tư phát triển: Dự kiến tổng giá trị đầu tư các dự án giai đoạn 2021-2025 là 29.480 triệu đồng từ các nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ, nguồn thu dịch vụ môi trường rừng, nguồn vốn khác của Công ty,...

(Chi tiết tại phụ lục 02 kèm theo)

4. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tài chính:

- Tăng cường công tác quản lý tài chính. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề xuất các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý. Thực hiện các biện pháp tích cực, có hiệu quả để cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt là tình hình công nợ tồn đọng, lập phương án xử lý khoản công nợ phải thu khó đòi trước 2010 theo quy định và tiến dần đến lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty trong thời gian nhanh nhất.

- Đa dạng hoá hình thức huy động vốn để trang trải cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch. Trong đó, cần chú trọng hình thức kinh doanh, liên kết.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy chế quản lý nợ của Công ty nhằm hạn chế các khoản nợ đọng dây dưa, giảm thiểu đến mức thấp nhất các khoản nợ phải thu khó đòi.

b) Giải pháp về bảo vệ, phát triển rừng

- Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng trên diện tích Công ty quản lý.

- Sử dụng và quản lý hiệu quả nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

- Tổ chức một mạng lưới bảo vệ rừng một cách khoa học nhằm bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có; đồng thời áp dụng các kỹ thuật lâm sinh hiện đại, thích hợp, tác động lên diện tích đất rừng trong địa giới của Công ty có hiệu quả.

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025”.

c) Giải pháp về phát triển về nguồn nhân lực:

- Đào tạo lao động dưới dạng mở các lớp tập huấn, cung cấp sách báo tài liệu hướng dẫn, tổ chức tham quan học tập.... nhằm không ngừng nâng cao trình độ và tay nghề cho người lao động.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo hàng năm, phối hợp các cơ quan chức năng trong tỉnh mở các lớp tập huấn ngắn hạn về quy trình khai thác và bảo quản sản phẩm nhựa thông. Mở các lớp tập huấn về công tác chăm sóc phát dọn thực bì, phòng chống cháy rừng hàng năm... cho cán bộ, công nhân, viên chức trong Công ty cũng như cho nhân dân tham gia hoạt động lâm nghiệp với Công ty.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, công tác tuyên truyền cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng nhằm nâng cao nhận thức về chủ trương chính sách pháp luật, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Duy trì và từng bước tăng chỉ tiêu biên chế cũng như chế độ chính sách đối với lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng, tích cực cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc, nghiên cứu bổ sung kinh phí có tính chất đặc thù đối với hoạt động quản lý bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

d) Giải pháp về công nghệ kỹ thuật:

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

đ) Giải pháp về quản lý và điều hành:

- Tăng cường công tác quản trị trong tất cả các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả. Lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong mọi hoạt động của Công ty.

- Xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo nguyên tắc tiền lương phải gắn với vị trí việc làm, chất lượng công việc và hiệu quả lao động.

e) Giải pháp về quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng

Hàng năm căn cứ vào quyết định phê duyệt kế hoạch nguồn thu tiền dịch vụ môi trường rừng được phê duyệt Công ty lập phương án thu chi tiền dịch vụ môi trường rừng để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

f) Giải pháp khác:

Tăng cường quan hệ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Chủ động xây dựng quan hệ đối tác, dựa trên lợi thế của từng tổ chức trong và ngoài nước để thu hút vốn, công nghệ và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực hoạt động của công ty; Cập nhập thông tin thường xuyên, nắm bắt các chủ trương, chính sách để xây dựng kế hoạch hàng năm hoàn thiện kế hoạch trung và dài hạn của công ty.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông, bảo đảm Công ty thực hiện đúng theo kế hoạch được phê duyệt; kịp thời hướng dẫn, xử lý những phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch của Công ty; báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Các Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, tạo điều kiện hỗ trợ để Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025.

3. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định; triển khai thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản khi đảm bảo kế hoạch vốn và thủ tục đầu tư theo quy định. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện và những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PVP (KTTH)
- Lưu: VT, KTTH.LDT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Sâm

UBND TỈNH KON TUM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP KON PLONG

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

Kon Plông, tháng..04..năm 2021

UBND TỈNH KON TUM
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP KONPLÔNG
Số: 15 /TTr-CTY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KonPlông, ngày 16 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc xin phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2021 – 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum;
- Sở Kế hoạch và đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Căn cứ công văn số: 2288/SKHĐT-KT ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum, về việc hướng dẫn lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021 – 2025 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp KonPlông.

Căn cứ văn bản số: 3255/SKHĐT-KT ngày 21/12/2020 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum, về việc đề nghị ra soát, hoàn thiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021- 2025.

Căn cứ văn bản số: 101/UBND-NNTN ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh Kon Tum về việc chỉ tiêu trồng rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Căn cứ văn bản số 850/SKHĐT-KT ngày 01/04/2021 của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kon Tum, về việc đề nghị tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021- 2025.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 một số chỉ tiêu như sau:

- Quản lý bảo vệ rừng bền vững giai đoạn: 55.215,57 ha; trong đó:

+ QLBRV nguồn DVMTR: 46.269,59 ha. (Điều chỉnh giảm diện tích giao khoán QLBRV từ 25.208,51 ha xuống còn 11.567,397 ha, tăng diện tích tự quản lý, bảo vệ từ 21.061,08 ha lên 34.702,193 ha).

+ QLBRV rừng tự nhiên là rừng sản xuất tạm dừng khai thác: 2.861,74 ha.

- Chỉ tiêu phát triển rừng giai đoạn: 300 ha, với tổng kinh phí 20.100,0 triệu đồng.

- Chỉ tiêu về tài chính trong giai đoạn:

+ Doanh thu thực hiện giai đoạn: 161.849,5 triệu đồng; trong đó:

Nguồn thu từ DVMTR: 154.014,3 triệu đồng.

Nguồn thu cung ứng rừng tự nhiên là rừng sản xuất tạm dừng khai thác : 4.292,6 triệu đồng. (Dự kiến đơn giá bình quân là: 300.000đ/ha).

+ Lợi nhuận trước thuế 2.152,45 triệu đồng.

+ Lợi nhuận sau thuế: 1.720 triệu đồng.

+ Nộp ngân sách nhà nước: 585,495 triệu đồng.

+ Tổng quỹ lương kế hoạch: 44.420,55 triệu đồng. (Điều chỉnh quỹ lương do tăng người lao động phục vụ công tác tự quản lý bảo vệ rừng lên 30 người).

- Chỉ tiêu kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn: 29.480 triệu đồng.

+ Trồng rừng giai đoạn 2021-2025 300 ha: 20.100 triệu đồng.

+ Sửa chữa CNLT, trạm QLBRV và xây mới trạm QLBRV : 4.782 triệu đồng.

+ Khoanh nuôi, tái sinh rừng 500 ha: 1.250 triệu đồng.

+ Trồng rừng kinh doanh cây keo 40 ha : 1.548 triệu đồng.

+ Mua sắm phương tiện vận tải: 1.000 triệu đồng.

+ Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác QLBRV: 650 triệu đồng.

+ Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng trồng bền vững 100 ha: 150 triệu đồng.

+ Dự kiến trồng rau sạch theo ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao 10 ha:
Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021 dự kiến thực hiện từ năm 2022.

+ Dự kiến trồng cây ăn quả với diện tích 30 ha: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021 dự kiến thực hiện từ năm 2022.

+ Dự kiến phát triển du lịch sinh thái khu vực rừng cạnh lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021 dự kiến thực hiện từ năm 2022.

Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông kính trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để Công ty triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT (Nga, Đồng).



Nguyễn Văn Hải

UBND TỈNH KON TUM
CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP KONPLÔNG

Số: 20 /KH-CTY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kon Plông, ngày 06 tháng 4 năm 2021

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

**Phần thứ nhất
TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY**

I. Những sự kiện quan trọng

1. Quá trình thành lập công ty

Tiền thân Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông là Công ty Đầu tư Phát triển Lâm Nông Công nghiệp và Dịch vụ Kon Plong được UBND Tỉnh thành lập theo Quyết định số: 97/QĐ-UB ngày 30/10/1996. Vào ngày 09/3/1996, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 341/QĐ-UB về việc sáp nhập Lâm trường Măng La, Lâm trường Măng Cành I và Lâm trường Tân Lập vào Công ty Đầu tư Phát triển Lâm Nông Công nghiệp và Dịch vụ Kon Plong. Đến ngày 28/6/2010, UBND Tỉnh ban hành Quyết định số 630/QĐ-UBND chuyển Công ty Đầu tư Phát triển Lâm Nông Công nghiệp và Dịch vụ Kon Plong thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông (sau đây gọi tắt là Công ty).

Công ty là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14. Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, hạch toán kinh tế độc lập, được mở tài khoản tại Kho bạc và các ngân hàng thương mại, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và làm các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định.

2. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2020 là: 112.677.000.000 đồng (Một trăm mười hai tỷ sáu trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

- Phân theo nguồn gốc sử dụng rừng: Rừng tự nhiên là 50.118,61 ha; Rừng trồng là 3.210,73 ha; Đất chưa có rừng là 1.954,40 ha.

- Phân theo chức năng sử dụng rừng: Diện tích đất rừng sản xuất là 48.763,59 ha; Diện tích đất rừng phòng hộ là 6.520,15 ha.

- Phân theo địa giới hành chính các xã:

+ Thị trấn Măng Đen: 9.663,70 ha.

+ Xã Hiếu: 12.692,37 ha.

+ Xã Măng Cành: 6.726,91 ha.

+ Xã Đăk Tăng: 8.885,26 ha.

+ Xã Măng Bút: 13.331,91 ha.

+ Xã Đăk Ring: 2.804,97 ha.

+ Xã Ngọc Tem: 1.178,62 ha.

Diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng năm 2020: 46.269,59 ha (*Diện tích tự quản lý, bảo vệ 20.588,1 ha; diện tích giao khoán QLBRV : 25.681,49 ha*).

- Diện tích rừng theo Quyết định số 2242 năm 2020: 2.861,74 ha (*Tự quản lý, bảo vệ 1.277,68 ha; Giao khoán bảo vệ 1.584,06 ha*).

- Diện tích rừng phòng hộ được hỗ trợ kinh phí bảo vệ theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ: 1.892,9 ha (*Tự quản lý, bảo vệ*).

7. Hiện trạng về lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động của Công ty là: 69 người. Cụ thể như sau:

Tên chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<i>Phân loại theo thời hạn hợp đồng</i>		
- Không thuộc đối tượng ký HĐLĐ	2	2,94
- Hợp đồng không xác định thời hạn	63	91,3
- Hợp đồng thời hạn từ 1 đến 3 năm		
- Lao động dưới 1 năm	4	5,8
<i>Phân loại theo trình độ lao động</i>		

độc lập, tự chủ về mặt tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh và những cam kết của mình.

Nhiệm vụ, quyền hạn được giao:

Công ty được quyền hoạt động và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 6100138644 với ngành nghề kinh doanh chủ yếu như: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp, lâm nghiệp; Quản lý bảo vệ rừng, trồng và chăm sóc rừng trồng; Khai thác gỗ và lâm sản; chế biến gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ; Mua bán nông lâm sản nguyên liệu; khai thác nhựa thông...

- Mục tiêu kinh doanh:

Sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai, QLBV, làm giàu và sử dụng bền vững tài nguyên rừng.

Xây dựng và phát triển Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp KonPlông trở thành một doanh nghiệp mạnh trong tỉnh Kon Tum trong các lĩnh vực trồng, QLBV và khai thác rừng, sản xuất chế biến lâm sản, có trình độ quản lý tiên tiến và công nghệ hiện đại.

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích ngành lâm nghiệp do Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch hoặc đấu thầu; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; tích lũy để đẩy mạnh quá trình tái sản xuất mở rộng, đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Ngành, nghề kinh doanh chính: Công ty được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 6100138644 (đăng ký cấp lại lần 2 ngày 11/11/1996, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 9/02/2021) với ngành nghề kinh doanh chủ yếu gồm: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp; Hoạt động dịch vụ trồng trọt...

Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty như sau:

- Quản lý, bảo vệ rừng;
- Trồng, chăm sóc rừng trồng;
- Khai thác, chế biến gỗ;

Dịch vụ môi trường rừng thực hiện giai đoạn 2016 – 2020 đạt 466,26 % so với kế hoạch. (Kế hoạch 24.760 triệu đồng; thực hiện 115.445 triệu đồng)

+ Các chỉ tiêu về tài chính:

Vốn chủ sở hữu kế hoạch 21.971 triệu đồng, thực hiện 112.538 triệu đồng.

Tổng doanh thu thực hiện đạt 394,24% so với kế hoạch.(Kế hoạch 45.110 triệu đồng, thực hiện 177.844 triệu đồng; trong đó tiền DVMTR là: 115.445 triệu đồng; 2242 là: 10.006,8 triệu đồng; Gỗ tận dụng: 24.117 triệu đồng; gỗ thông rừng trồng: 9.016 triệu đồng; Nhựa thông: 17.541 triệu đồng; Các khoản khác: 1.718 triệu đồng).

Lợi nhuận trước thuế đạt 777,53% so với kế hoạch. (Kế hoạch 1.753 triệu đồng, thực hiện 13.630 triệu đồng).

Lợi nhuận sau thuế đạt 839,45 % so với kế hoạch. (Kế hoạch 1.314 triệu đồng, thực hiện 11.030 triệu đồng).

Nộp ngân sách nhà nước đạt 1.837,05% so với kế hoạch. (Kế hoạch 1.133 triệu đồng, thực hiện 20.814 triệu đồng).

(Chi tiết xem biểu mẫu số 01)

- Kế hoạch đầu tư phát triển:

+ Mua mới xe ô tô phục vụ công tác đạt 90,7% so với kế hoạch.

+ Đầu tư sửa chữa nâng cấp trụ sở chính văn phòng công ty đạt 484,8% so với kế hoạch (Xây mới Văn phòng công ty).

+ Đầu tư xây dựng trạm BVR đạt 158,567% so với kế hoạch.

(Chi tiết xem biểu mẫu số 02)

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Thuận lợi:

+ Diện tích rừng và đất rừng Công ty quản lý lớn trên 55.215,57 ha (Trong đó diện tích rừng trồng đang quản lý là 3.210,73 ha) nên thuận lợi cho việc xây dựng, bố trí và triển khai nhiều kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

+ Diện tích có cung ứng DVMTR là 46.269,59 ha tạo ra nguồn thu ổn định cho Công ty bố trí, sắp xếp kinh phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh được thuận lợi rất nhiều.

vực rừng cạnh lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum trong địa giới của Công ty có hiệu quả.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất đồng thời chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật; sử dụng lao động địa phương, đảm bảo không ngừng tăng năng suất và thu nhập của người lao động.

2. Mục tiêu cụ thể

Trên cơ sở diện tích rừng sản xuất là rừng trồng trong địa giới và mục tiêu tổng quát nói trên, Công ty xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

Các chỉ tiêu chủ yếu:

- + Tổng doanh thu đạt bình quân: 32.369,89 tr.đồng/năm.
- + Tổng lợi nhuận sau thuế đạt bình quân: 344 tr.đồng/năm.
- + Mức nộp ngân sách bình quân: 117,099 tr.đồng/năm.

Về sản phẩm chính và dịch vụ bảo vệ rừng:

- + Diện tích bảo vệ rừng hàng năm: 55.215,57 ha.
- + Phát triển rừng giai đoạn 2021 – 2025 : 300 ha (Từ năm 2021 – 2024 trồng mới với diện tích 50 ha, năm 2025 trồng 100 ha) với nguồn kinh phí là: 20.100 triệu đồng.

Các chỉ tiêu đầu tư phát triển:

- + Mua sắm phương tiện vận tải: 1.000 triệu đồng.
- + Sửa chữa CNLT, trạm QLBR và xây mới trạm QLBR : 4.782 triệu đồng.
- + Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác QLBR: 650 triệu đồng.
- + Trồng rừng kinh doanh cây keo 40 ha : 1.548 triệu đồng.
- + Khoanh nuôi, tái sinh rừng 500 ha: 1.500 triệu đồng.
- + Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng trồng bền vững 100 ha: 150 triệu đồng.
- + Trồng rau sạch theo ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao 10 ha thực hiện từ năm 2022: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021.
- + Trồng cây ăn quả với diện tích 30 ha: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021.

3.2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2021 – 2025 là: 29.480 triệu đồng.
Cụ thể như sau:

- + Mua sắm phương tiện vận tải: 1.000 triệu đồng.
- + Sửa chữa CNLT, trạm QL BVR và xây mới trạm QL BVR : 4.782 triệu đồng.
- + Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác QL BVR: 650 triệu đồng.
- + Trồng rừng giai đoạn 2021-2025 300 ha: 20.100 triệu đồng.
- + Trồng rừng kinh doanh cây keo 40 ha : 1.548 triệu đồng.
- + Khoanh nuôi, tái sinh rừng 500 ha: 1.250 triệu đồng.
- + Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng trồng bền vững 100 ha: 150 triệu đồng.
- + Trồng rau sạch theo mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao 10 ha thực hiện từ năm 2022: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021.
- + Trồng cây ăn quả với diện tích 30 ha: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021.
- + Du lịch sinh thái khu vực rừng cạnh lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum từ năm 2022: Mức kinh phí đầu tư dự toán thiết kế trong năm 2021.

(Chi tiết xem biểu mẫu số 04)

4. Các giải pháp thực hiện

- Giải pháp về tài chính

Tăng cường công tác quản lý tài chính. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, đề xuất các biện pháp cắt giảm chi phí quản lý. Thực hiện các biện pháp tích cực, có hiệu quả để cải thiện tình hình tài chính, đặc biệt là tình hình công nợ tồn đọng đây đưa như lập phương án xử lý khoản công nợ phải thu khó đòi trước 2010 theo Điều 6 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi tại Thông tư 48/2019-TT-BTC ngày 8/8/2019 và tiến dần đến lành mạnh hoá tình hình tài chính của Công ty trong thời gian nhanh nhất.

Đa dạng hoá hình thức huy động vốn để trang trải cho nhu cầu sản xuất kinh doanh theo kế hoạch. Trong đó, cần chú trọng hình thức kinh doanh, liên kết.

chính sách pháp luật, năng lực chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Duy trì và từng bước tăng chỉ tiêu biên chế cũng như chế độ chính sách đối với lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng, tích cực cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc, nghiên cứu bổ sung kinh phí có tính chất đặc thù đối với hoạt động quản lý bảo vệ rừng theo quy định hiện hành.

- Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Giải pháp về quản lý và điều hành:

Tăng cường công tác quản trị trong tất cả các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả. Lấy hiệu quả làm mục tiêu hàng đầu trong mọi hoạt động của Công ty.

Xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo nguyên tắc tiền lương phải gắn với vị trí việc làm, chất lượng công việc và hiệu quả lao động.

- Giải pháp về quản lý và sử dụng tiền DVMTR:

Hàng năm căn cứ vào quyết định phê duyệt kế hoạch nguồn thu tiền dịch vụ môi trường rừng được phê duyệt Công ty lập phương án thu chi tiền DVMTR trình lãnh đạo phê duyệt. Cuối năm tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo các cấp có thẩm quyền biết.

- Giải pháp khác: Tăng cường quan hệ với chính quyền đại phương trong công tác quản lý bảo vệ rừng. Chủ động xây dựng quan hệ đối tác, dựa trên lợi thế của từng tổ chức trong và ngoài nước để thu hút vốn, công nghệ và đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực hoạt động của công ty; Cập nhật thông tin thường xuyên, nắm bắt các chủ trương, chính sách để xây dựng kế hoạch hàng năm hoàn thiện kế hoạch trung và dài hạn của công ty.

5. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch:

Giao Các CNLT trực thuộc Công ty tổ chức, thực hiện, bảo đảm hoàn thành kế hoạch đã được giao; Giao các phòng ban theo dõi giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đã được giao. Định kỳ hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đến Ban giám đốc công ty; Đồng thời cuối quý báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch gửi UBND tỉnh và các đơn vị liên quan.

Đưa kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm lên công thông tin của công ty.

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KONPLÔNG

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2016-2020



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Kết quả thực hiện				Thực hiện 2016-2020	Thực hiện so với kế hoạch (%)	Ghi chú
				2016	2017	2018	2019			
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu									
1	Nhựa thông thô	Tấn	814	180,128	206,812	178,284	232,564	25,927	101,193	
2	DVMTR	Ha	14.148,4	37.896,04	37.415,09	36.747,82	48.198,59	46.269,59		
2.1	Diện tích giao cho nhóm hộ, tổ chức QL	Ha		20.678,56	21.936,55	21.641,89	27.124,07	25.681,49		
2.2	Diện tích Cty tự quản lý	Ha		17.217,48	15.478,54	15.105,93	21.074,52	20.588,10		
3	Theo QĐ 2242	Ha		14.785,76	14.785,76	14.591,35	3.009,73	2.861,74		
3.1	Diện tích giao cho hộ gia đình QL	Ha		6.816,56	6.816,69	7.095,23	1.696,03	1.584,06		
3.2	Diện tích Cty tự quản lý	Ha		7.969,20	7.969,07	7.496,12	1.313,70	1.277,68		
II	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ									
1	DVMTR	Triệu đồng	24.760	11.111	17.643	26.298	30.704	29.689	115.445	466,26
	Diện tích giao cho nhóm hộ, tổ chức QL	Triệu đồng		5.903	9.763	14.549	16.361	7.775	54.350	
	Diện tích Cty tự quản lý	Triệu đồng		5.208	7.880	11.749	14.343	21.914	61.095	
2	Theo QĐ 2242	Triệu đồng		2.957,15	2.957,15	2.918,27	601,95	572,35	10.006,87	
	Diện tích giao cho hộ gia đình QL	Triệu đồng		1.363,31	1.363,34	1.419,05	339,21	316,81	4.801,71	
	Diện tích Cty tự quản lý	Triệu đồng		1.593,84	1.593,81	1.499,22	262,74	255,54	5.205,15	
3	Theo QĐ 38	Triệu đồng			1.892,90					
III	Các chỉ tiêu về tài chính									
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	21.971	21.971	21.971	21.971	111.818	112.538	112.538	512,21
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	45.110	30.290	43.490	34.520	33.681	35.863	177.844	394,24



3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.753	1.902	5.711	3.228	1.038	1.751	13.630	777,53
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.314	1.566	4.832	2.522	701	1.409	11.030	839,45
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.133	6.162	9.212	2.179	1.713	1.548	20.814	1.837,05
IV	Tổng lao động	Người	180	49	53	57	66	68	293	162,78
V	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	13.664	4.154	4.172	4.832	5.874	6.437	25.469	186,39

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2016-2020

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Kết quả đầu tư giai đoạn 2016-2020					Thực hiện so với kế hoạch (%)	Ghi chú
						Tổng số	Trong đó					
							Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		
1	Mua mới xe ô tô phụ vụ công tác	1	1.000	Vốn của đơn vị	2017	907					90,70	
2	Đầu tư sửa chữa nâng cấp trụ sở chính văn phòng công ty	1	1.000	Vốn của đơn vị	2016	4.848		4.848			484,800	
3	Đầu tư xây dựng trạm BVR		3.000	Vốn của đơn vị	2016-2017	4.757	3.223	381	322	245	158,567	



CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KONPLÔNG

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025

Biểu mẫu số 03



TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch các năm					Ghi chú	
						2021	2022	2023	2024	2025		
I	Các chỉ tiêu về sản phẩm chủ yếu											
1	Tổng diện tích	Ha	55.283,74	277.803,13	276.077,85	55.215,57	55.215,57	55.215,57	55.215,57	55.215,57		
1.1	Diện tích hưởng DVMTR	Ha	46.269,59	206.527,13	231.347,95	46.269,59	46.269,59	46.269,59	46.269,59	46.269,59		
1.1.1	Diện tích giao cho nhóm hộ, tổ chức QL	Ha	25.681,49	117.062,56	57.836,99	11.567,40	11.567,40	11.567,40	11.567,40	11.567,40	Giao khoán 25% tổng diện tích	
1.1.2	Diện tích Cty tự quản lý	Ha	20.588,10	89.464,57	173.510,96	34.702,19	34.702,19	34.702,19	34.702,19	34.702,19		
1.2	Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất không được cung ứng DVMTR	Ha	2.861,74	50.034,34	14.308,70	2.861,74	2.861,74	2.861,74	2.861,74	2.861,74		
1.2.1	Diện tích giao cho hộ gia đình QL	Ha	1.584,06	24.008,57	7.920,30	1.584,06	1.584,06	1.584,06	1.584,06	1.584,06		
1.2.2	Diện tích Cty tự quản lý	Ha	1.277,68	26.025,77	6.388,40	1.277,68	1.277,68	1.277,68	1.277,68	1.277,68		
II	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ	Tr.đồng	30.261	125.452	158.307	31.894	31.603	31.603	31.603	31.603		
1	Tổng doanh thu chi tiêu công ích	Tr.đồng	30.261	125.452	158.306,9	31.894,21	31.603,17	31.603,17	31.603,17	31.603,17		
1.1	Diện tích hưởng DVMTR	Tr.đồng	29.689	115.445	154.014,3	31.035,69	30.744,65	30.744,65	30.744,65	30.744,65		
1.1.1	Diện tích giao cho nhóm hộ, tổ chức QL	Tr.đồng	14.566	54.350	38.784,5	9.486,66	7.324,46	7.324,46	7.324,46	7.324,46		
1.1.2	Diện tích Cty tự quản lý	Tr.đồng	15.123	61.095	115.229,8	21.549,0	23.420,2	23.420,2	23.420,2	23.420,2		
1.2	Diện tích nguồn cung ứng rừng tự nhiên là rừng sản xuất không được cung ứng DVMTR	Tr.đồng	572,35	10.006,9	4.292,6	858,52	858,52	858,52	858,52	858,52		BQ 300.000đ/ha





1.2.1	Diện tích giao cho hộ gia đình QL	Tr.đồng	316,81	4.801,7	2.360,9	472,19	472,19	472,19	472,19	472,19	472,19
1.2.2	Diện tích Cty tự quản lý	Tr.đồng	255,54	5.205	1.931,7	386,33	386,33	386,33	386,33	386,33	386,33
III	Các chỉ tiêu về tài chính										
1	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	112.538	112.538	112.538	112.538	112.538	112.538	112.538	112.538	112.538
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	35.863	177.844	161.849,5	32.832,1	32.254,3	32.254,3	32.254,3	32.254,3	32.254,3
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	879	13.630	2.152,45	430,49	430,49	430,49	430,49	430,49	430,49
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.409	11.030	1.720	344	344	344	344	344	344
5	Nộp ngân sách	Triệu đồng	1.548	20.814	585,495	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099	117,099
IV	Tổng lao động	Người	68	293	490	98	98	98	98	98	98
V	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	6.437	25.469	44.420,55	8.039	8.441	8.863	9.306	9.771	9.771

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP KONPLÔNG

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung/danh mục đầu tư	Quy mô/khối lượng	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Tổng số	Dự kiến kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
						Trong đó						
						Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		
1	Trồng mới 300 ha rừng	300 ha	20.100	Vốn đơn vị và vốn ngân sách	20.100	3.350	3.350	3.350	3.350	6.700		
2	Sửa chữa CNLT, trạm QL BVR và xây mới trạm QL BVR	5	4.782	Vốn đơn vị	4.782	1.791	1.791	400	400	400		
3	Khoanh nuôi	500 ha	1.250	Vốn đơn vị	1.250	250	250	250	250	250	Sắp xếp dự án theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp	
4	Trồng rừng kinh doanh cây keo	40 ha	1.548	Vốn đơn vị	1.548	1.016	309	191	16	16		
5	Mua sắm phương tiện vận tải	1	1000	Vốn đơn vị	1.000	-		1.000				
6	Mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác QL BVR		650	Vốn đơn vị	650	250	100	100	100	100		
7	Hỗ trợ cấp chứng chỉ rừng bền vững (Tới thiếu 100 ha trở lên cho rừng tự nhiên, rừng trồng)	100 ha	150	NS	150	30	30	30	30	30		
8	Trồng rau sạch theo ứng dụng công nghệ cao	10 ha		Vốn đơn vị								
9	Trồng cây ăn quả	30 ha		Vốn đơn vị								
10	Du lịch sinh thái lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum			Vốn đơn vị								
Tổng cộng					29.480	29.480	6.687	5.830	5.321	4.146	7.496	

